

CÔNG TY CP ĐT & PT CN BẢO THƯ

ĐC: KHU PHỐ 11, P. BÌNH TÂN, TX LAGI, TỈNH BÌNH THUẬN

MST: 3400555146

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT

Quý IV

NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. Tài sản ngắn hạn	100		514,909,422,340	209,548,798,612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10,517,383,699	1,014,646,642
1. Tiền	111	V.01	10,517,383,699	1,014,646,642
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		466,572,958,325	199,935,537,723
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	52,060,329,188	97,445,024,000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	99,244,015,829	93,490,185,800
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	-	2,000,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	313,756,559,705	3,380,435,580
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2,107,838,740)	-
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.06	3,619,892,343	3,619,892,343
IV. Hàng tồn kho	140		21,035,115,208	3,545,443,238
1. Hàng tồn kho	141	V.08	21,035,115,208	3,545,443,238
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,783,965,107	5,053,171,009
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	301,776,461	7,851,364
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13,097,064,646	5,045,319,645
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3,385,124,000	-
B. Tài sản dài hạn	200		284,137,203,423	212,775,103,050
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	167,020,000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	-	167,020,000
II. Tài sản cố định	220		31,107,415,334	66,297,999,692
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	5,698,296,801	1,935,544,325
- Nguyên giá	222		7,655,620,209	3,024,011,671
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,957,323,408)	(1,088,467,346)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	25,409,118,533	-
- Nguyên giá	225		25,409,118,533	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	64,362,455,367
- Nguyên giá	228		-	64,362,455,367
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		246,029,727,162	146,310,083,358
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	246,029,727,162	146,310,083,358
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7,000,060,927	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	7,000,060,927	-
2. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		799,046,625,763	422,323,901,662



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

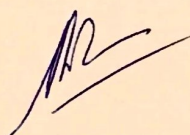
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. Nợ phải trả	300		200,226,070,491	52,114,602,737
I. Nợ ngắn hạn	310		200,226,070,491	43,683,470,658
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	35,574,529,748	1,572,822,176
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		31,322,726,647	384,127,600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	22,456,218,057	25,069,823,595
4. Phải trả người lao động	314		1,158,047,617	757,217,892
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	57,608,922,077	-
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		410,363,636	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	15,054,627,734	8,407,863,395
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	36,640,634,975	7,491,616,000
II. Nợ dài hạn	330		-	8,431,132,079
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	-	8,431,132,079
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.18	598,820,555,272	370,209,298,925
I. Vốn chủ sở hữu	410		598,820,555,272	370,209,298,925
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		580,160,000,000	328,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		576,800,000,000	328,000,000,000
- Cổ phiếu cổ đông thiểu số			3,360,000,000	
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18,660,555,272	42,209,298,925
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		799,046,625,763	422,323,901,662

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Lê Thị Phương Dung
Người lập biểu



Lê Văn Thật
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2015	Lũy kế đến Quý 4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	40,234,547,050	124,785,727,210
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		40,234,547,050	124,785,727,210
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	31,507,505,714	74,886,379,193
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8,727,041,336	49,899,348,017
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	13,901,745	154,583,204
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	159,575,995	1,004,122,072
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		159,575,995	2,787,830,910
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	2,424,031,924	5,072,516,199
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	4,530,006,272	13,966,967,405
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,627,328,889	30,010,325,545
12. Thu nhập khác	31		25,104,160	62,097,062
13. Chi phí khác	32	VI.07	7,914,400	16,229,145,374
14. Lợi nhuận khác / (lỗ)	40		17,189,760	(16,167,048,312)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,644,518,649	13,843,277,233
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	408,284,156	4,592,020,886
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,236,234,493	9,251,256,347
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		1,236,234,493	9,251,256,347
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	21	160

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Lê Thị Phương Dung
 Người lập biểu



Lê Văn Thập
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 14 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thời kỳ này
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13,843,277,233
2. Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	868,856,062
Các khoản dự phòng	03	2,107,838,740
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	91,035,541
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(135,257,112)
Chi phí lãi vay	06	896,865,310
Các khoản điều chỉnh khác	07	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	17,672,615,774
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(280,015,103,603)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(3,266,896,550)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	148,281,716,013
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(7,293,986,024)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1,159,582,210)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11,774,928,306)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(137,556,164,906)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(65,397,915,508)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	135,257,112
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(65,262,658,396)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	219,360,000,000
Tiền thu từ đi vay	33	8,764,598,757
Tiền trả nợ gốc vay	34	(15,804,466,757)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	212,320,132,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	9,501,308,698
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,014,646,642
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1,428,359
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10,517,383,699

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Lê Thị Phương Dung
Người lập biểu

Lê Văn Thạt
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Công nghiệp Bảo Thu ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/5/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/10/2015.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là BII kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 theo Quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 467/QĐ-SGDHN ngày 29/8/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 576,8 tỷ đồng

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Bao Thu Industrial Development and Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: BIDICO.

Trụ sở chính đặt tại: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Chi nhánh tại TP.HCM và Chi nhánh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác - sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác, chế biến khoáng sản); Bốc xếp hàng hóa; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn gạo; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rá và vật liệu tết bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất (trừ bán buôn thuốc BVTV); Bán buôn đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng);

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Đối với hoạt động xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp: trên 12 tháng.
- Đối với hoạt động khác: trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số các Công ty con: 11 Công ty.
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 6 Công ty.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 5 Công ty (do chưa góp vốn và chưa đi vào hoạt động).

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát BIDICO	CCN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV BDS và XD Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Xây dựng, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Xây dựng, dịch vụ	80.00%	80.00%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Xây dựng, dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH Vận tải thắng Hải	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Dịch vụ		

Danh sách các Công ty con không được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Trồng trọt Công nghệ cao Đồng Nai	Số 242, hẻm 25, đường Võ Thị Sáu, khu 12, xã Long Đức, Long Thành, Đồng Nai	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Pigment & Nano Titan Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Khai thác, xây dựng, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Bình Thuận	Cụm CN Tân Bình, xã Tân Bình, thị xã Lagi, Bình Thuận	Khai thác, chế biến, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Xây dựng, dịch vụ	80.00%	80.00%
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng WIBAWA Bảo Thư	A4-02 khu Nam Thiên 1, đường Phạm Thái Bường, phường Tân Phong, quận 7, TP.HCM	Xây dựng, khai thác, dịch vụ	52.00%	52.00%

Danh sách các Công ty liên kết

Công ty TNHH Titan Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	28.00%	28.00%
-------------------------------	---	---	--------	--------

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Cho năm tài chính 2015, Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thủ và các Công ty con ("Nhóm Công ty") cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản trong công ty con được mua thì chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là tối đa không quá mười năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

7. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 10 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
Dụng cụ quản lý	03 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ

Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

11. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp chưa được trích lập. Công ty đang xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương để trình cơ quan có thẩm quyền.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ là:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp được ghi nhận một lần khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Công ty cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

18.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

20. Số liệu so sánh

Nhóm Công ty không lập báo tài chính hợp nhất cho thời kỳ từ ngày 01/01/2014 đến 30/9/2014 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, nên Báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ từ ngày 01/01/2015 đến 30/9/2015 không có số liệu so sánh cho thời kỳ trên, và số dư đầu năm (01/01/2015) là số dư theo số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2015	01/01/2015
1. Tiền		
Tiền mặt	217,417,774	971,935,003
Tiền gửi ngân hàng	10,299,965,925	42,711,639
Cộng	10,517,383,699	1,014,646,642
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	31/12/2015	01/01/2015
- Công ty TNHH MTV CN KS Bình Thuận BTC		75,000,000,000
- Công ty TNHH Năng lượng Xanh KSA	21,981,195,000	21,981,195,000
- Công ty TNHH MTV Cát Tường		-
- Công ty cổ phần Công nghiệp KS Bình Thuận	28,600,000,000	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1,479,134,188	463,829,000
Cộng	52,060,329,188	97,445,024,000
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2015	01/01/2015
- Công ty TNHH-DV-VT-XD Á Châu	3,905,512,042	4,458,040,250
- Bà Lê Thị Phương Dung		22,698,200,000
- Công ty TNHH Năng lượng Xanh KSA		20,000,000,000
- Ông Trần Thanh Minh		30,000,000,000
- Công ty TNHH Chế biến ZIRCON Bình Thuận	10,000,000,000	10,000,000,000
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	58,947,616,840	-
- CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NHẬT MINH	6,500,000,000	-
- Các nhà cung cấp khác	19,890,886,947	6,333,945,550
Cộng	99,244,015,829	93,490,185,800

4. Phải thu khác

31/12/2015

01/01/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Phải thu Cty TNHH Năng lượng Xanh KSA liên quan đến khoản trả trước do không tiếp tục thực hiện hợp đồng	15,704,000,000	-	-	-
- Khoản ứng vốn đến Công ty Thiên Lợi	75,000,000,000			
- Ký quỹ, đặt cọc	419,861,000	-	158,711,000	-
- Các khoản tạm ứng	166,906,308,351	-	1,414,587,132	-
- CÔNG TY TNHH VLXD PHƯỚC BÌNH	40,000,000,000			
- Phải thu khác	15,726,390,354	-	1,807,137,448	-
Cộng	313,756,559,705	-	3,380,435,580	-
b) Dài hạn				
- Ký quỹ, đặt cọc dài hạn	-	-	167,020,000	-
Cộng	-	-	167,020,000	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			31/12/2015	01/01/2015
- Khoản cho vay đến Ông Lê Quang			-	2,000,000,000
- Khoản cho vay đến Công ty TNHH MTV Cát Tường			-	-
Cộng			-	2,000,000,000
6. Tài sản thiếu chờ xử lý			31/12/2015	01/01/2015
Tài sản thiếu chờ xử lý liên quan đến khu cảng Lagi chưa được tập hợp đầy đủ hóa đơn, chứng từ (Thuyết minh tại mục V.11*)			3,619,892,343	3,619,892,343
Cộng			3,619,892,343	3,619,892,343

7. Nợ xấu

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	463,829,000		TT quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước	463,829,000		TT quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước
	200,000,000		DNTN TM VT Ngọc Sơn	200,000,000		DNTN TM VT Ngọc Sơn
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 3 năm	1,263,192,000		Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông	1,263,192,000		Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông
	180,817,740		Các đối tượng khác	180,817,740		Các đối tượng khác
Cộng	2,107,838,740	-		2,107,838,740	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn:

Số dư đầu năm	-
Tăng (do trích lập dự phòng)	(2,107,838,740)
Giảm (do xóa nợ)	-
Số dư cuối kỳ	(*) (2,107,838,740)

(*) Trong đó, bao gồm khoản dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản trả trước người bán với số tiền là 1.644.009.740 đồng.

8. Hàng tồn kho	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Thành phẩm	61,442,467	-	-	-
- Chi phí sản xuất dở dang	81,624,999	-	-	-
- Hàng hóa	20,892,047,743	-	3,545,443,238	-
Cộng	21,035,115,209	-	3,545,443,238	-

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	967,944,944	562,150,000	1,448,575,818	45,340,909	3,024,011,671
Mua trong kỳ	1,619,893,447	2,229,000,000	797,445,455	-	4,646,338,902
Giảm khác	-	-	14,730,364	-	14,730,364
Số dư cuối kỳ	2,587,838,391	2,791,150,000	2,231,290,909	45,340,909	7,655,620,209
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	689,075,865	272,883,091	123,989,451	2,518,939	1,088,467,346
Khấu hao trong kỳ	190,146,091	329,409,340	332,386,992	16,913,639	868,856,062
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	879,221,956	602,292,431	456,376,443	19,432,578	1,957,323,408

9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	278,869,079	289,266,909	1,324,586,367	42,821,970	1,935,544,325
Tại ngày cuối kỳ	1,708,616,435	2,188,857,569	1,774,914,466	25,908,331	5,698,296,801

Tài sản cố định tăng trong kỳ do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành; Giảm do điều chỉnh nguyên giá tài sản.

Tại ngày 30/9/2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.362.733.237 đồng (nguyên giá là 1.549.472.728 đồng) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

10. Tài sản cố định vô hình	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Nguyên giá	64,362,455,367	-	64,362,455,367	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	64,362,455,367			

Tài sản cố định vô hình giảm trong kỳ do phân loại sang chi phí xây dựng dở dang (khu chuyển tải Lagi - Bình Thuận).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2015	01/01/2015
-------------------------------------	------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mỏ Cát trắng	-	7,119,723,400
Mỏ Cát xây dựng Tân Hà	-	5,335,196,377
Nhà máy Cát	20,808,723,257	13,442,643,022
Cụm công nghiệp Thăng Hải I	60,737,176,251	101,998,458,619
Cụm công nghiệp Thăng Hải II	95,652,877,965	16,302,508,901
Cụm công nghiệp Tân Bình	3,631,535,154	1,921,679,700
Xưởng chế biến Đá Thạch Anh	-	189,873,339
Nhà máy gạch	636,363,636	
Nhà máy gỗ	206,020,207	
Khu chuyển tải Lagi - Bình Thuận	(*) 64,357,030,692	-
Cộng	246,029,727,162	146,310,083,358

(*) Bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Vật kiến trúc trên đất, bao gồm:

- Tài sản khu dịch vụ đất Cảng Lagi

- Tài sản khác:

+ Liên quan đến Cảng Lagi

+ Tài sản chờ xử lý

- Chi phí xây dựng

- Chi phí pháp lý

Cộng

	Giá trị ban đầu	Giá trị đã chuyển nhượng	Tài sản thiếu chờ xử lý	Khấu hao đến 30/9/2015	Giá trị còn lại đến 30/9/2015
Quyền sử dụng đất	9,571,758,800	(7,513,659,992)	-	(275,827,675)	1,782,271,133
Vật kiến trúc trên đất, bao gồm:					
- Tài sản khu dịch vụ đất Cảng Lagi	32,033,148,574				32,033,148,574
- Tài sản khác:					
+ Liên quan đến Cảng Lagi	30,271,207,985				30,271,207,985
+ Tài sản chờ xử lý	3,619,892,343		(3,619,892,343)		-
- Chi phí xây dựng	50,403,000				50,403,000
- Chi phí pháp lý	220,000,000				220,000,000
Cộng	75,766,410,702	(7,513,659,992)	(3,619,892,343)	(275,827,675)	64,357,030,692

12. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ

- Chi phí quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ cát trắng Tân Phước năm 2015 chờ phân bổ

Cộng

31/12/2015

01/01/2015

108,833,461

7,851,364

192,943,000

-

301,776,461

7,851,364

b) Dài hạn

- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ

Cộng

7,000,060,927

-

7,000,060,927

-

13. Phải trả người bán

31/12/2015

01/01/2015

Ngắn hạn

- Công ty cổ phần KS Bình Thuận

- Phải trả cho các đối tượng khác

Cộng

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty cổ phần KS Bình Thuận	28,941,000,000	28,941,000,000	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	6,633,529,748	6,633,529,748	1,572,822,176	1,572,822,176
Cộng	35,574,529,748	35,574,529,748	1,572,822,176	1,572,822,176

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
- Thuế GTGT	4,385,944,131	9,560,991,196	6,495,776,896	7,451,158,431
- Thuế xuất, nhập khẩu		3,394,523,412	3,398,147,412	(3,624,000)
- Thuế TNDN	14,663,880,843	4,592,020,886	11,774,928,306	7,480,973,423
- Thuế TNCN	14,707,495	79,594,402	12,796,726	81,505,171
- Tiền thuế đất	174,754,890	386,274,590	-	561,029,480
- Thuế tài nguyên	391,214,830	204,750,000	9,000,000	586,964,830

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Phí bảo vệ môi trường	385,936,000	73,500,000	-	459,436,000
- Thuế khác		5,000,000	13,500,000	(8,500,000)
- Các khoản phạt và chậm nộp thuế	5,053,385,406	1,289,969,036	511,203,720	5,832,150,722
Cộng	25,069,823,595	19,586,623,522	22,215,353,060	22,441,094,057

15. Chi phí phải trả	31/12/2015	01/01/2015
Ngắn hạn		
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải I liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	14,272,496,840	-
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải II liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	23,779,248,760	-
- Tiền thuê đất CCN Thăng Hải I và II phải trả	19,167,940,077	-
- Chi phí dịch vụ phải trả khác	389,236,400	-
Cộng	57,608,922,077	-

16. Phải trả khác	31/12/2015	01/01/2015
Ngắn hạn		
- Khoản tiền mượn từ Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xây dựng Á Châu	100,000,000	200,000,000
- Phải trả Bà Nguyễn Thị Mai liên quan đến khoản tiền mượn	2,287,923,537	-
- Phải trả Ông Nguyễn Văn Dũng liên quan đến khoản tiền mượn	1,200,000,000	-
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải I	4,296,149,531	1,403,929,681
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải II	6,803,933,715	6,803,933,715
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	366,620,951	-
Cộng	15,054,627,734	8,407,863,395

17. Vay và nợ thuê tài chính	01/01/2015		Trong kỳ		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
- NH Liên doanh Việt Thái	5,500,000,000	5,500,000,000	-	5,500,000,000	-	-
- NH TMCP Phát triển TP.HCM (1)	1,991,616,000	1,991,616,000	1,329,594,648	3,321,210,648	-	-
Cộng	7,491,616,000	7,491,616,000	1,329,594,648	8,821,210,648	-	-
b) Vay dài hạn						
- NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	433,280,000	433,280,000	-	130,080,000	303,200,000	303,200,000
- NH TMCP Phát triển TP.HCM (3)	7,997,852,079	7,997,852,079	483,813,000	359,985,000	8,121,680,079	8,121,680,079
- NH TMCP XNK Việt Nam (4)	-	-	550,000,000	92,000,000	458,000,000	458,000,000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính			27,757,754,896		27,757,754,896	27,757,754,896
Cộng	8,431,132,079	8,431,132,079	28,791,567,896	582,065,000	36,640,634,975	36,640,634,975

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 486/2014/HĐTDHM-DN ngày 15/7/2014 và các khế ước nhận nợ với hạn mức là 2 tỷ đồng; thời hạn vay: 12 tháng theo từng khế ước nhận nợ; lãi suất vay tại ngày 30/9/2015: 9,5%/năm. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất chế biến cát. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp được nêu tại Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 487/2014/HĐTDTDH-DN ngày 15/7/2014. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2015 là 1.329.594.648 đồng.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh HCM theo hợp đồng tín dụng số SME/HCM/14/0134/HĐTD ngày 07/4/2014 với số tiền vay là 520 triệu đồng; thời hạn vay 48 tháng, đến 07/4/2018. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô Ford Everest. Lãi suất vay tại ngày 30/9/2015: 12,5%/năm; sau đó sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn cộng biên độ 5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc được hoàn trả thành 48 kỳ bắt đầu từ ngày 07/5/2014. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2015 là 335.720.000 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 130.080.000 đồng (*).

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 487/2014/HĐTDTDH-DN ngày 15/7/2014 và các khế ước nhận nợ với số tiền vay là 18 tỷ đồng; thời hạn vay: 84 tháng theo từng khế ước nhận nợ; thời hạn trả nợ gốc là 72 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/9/2015: 12,5%/năm. Mục đích vay: đầu tư nhà máy chế biến cát Bình Thuận và bổ sung vốn lưu động được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận; Tài sản gắn liền với đất toàn bộ giá trị xây dựng của nhà máy chế biến cát, máy móc thiết bị, dây chuyền chế biến cát; quyền khai thác cát tại Mỏ cát trắng; Quyền tài sản phát sinh từ quyền sử dụng 488.337 m2 đất tại KCN Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận; Quyền đòi nợ từ các hợp đồng cho thuê đất của Công ty; quyền sử dụng 44.587 m2 đất tại phường Bình Tân, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2015 là 8.357.252.079 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 1.359.432.000 đồng (*).

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh HCM theo hợp đồng tín dụng 2000-LAV-201500479 ngày 02/02/2015 với số tiền vay là 550 triệu đồng; thời hạn vay 60 tháng; Lãi suất vay tại ngày 30/9/2015 là 8,5%/năm; Mục đích vay đầu tư mua xe ô tô Ford Everest. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến 30/9/2015 là 485.600.000 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 130.080.000 đồng (*).

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2015	tăng	giảm	30/9/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	328,000,000,000	248,800,000,000	-	576,800,000,000
Vốn góp của cổ đông thiểu số		3,360,000,000		3,360,000,000
LNST chưa phân phối	42,209,298,925	9,251,256,347	32,800,000,000	18,660,555,272
Cộng	370,209,298,925	261,411,256,347	32,800,000,000	598,820,555,272

Vốn góp của chủ sở hữu đã tăng trong kỳ do:

	Theo mệnh giá	Theo giá bán thực tế
Phát hành 3.280.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá bán 10.000 đồng/cp từ lợi nhuận sau thuế	32,800,000,000	32,800,000,000
Phát hành 21.600.000 cổ phiếu với giá bán 10.000 đồng/cp, thu bằng tiền gửi ngân hàng	216,000,000,000	216,000,000,000
Cộng	248,800,000,000	248,800,000,000

Vốn góp của chủ sở hữu tăng trong kỳ theo nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng số 47/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 17/07/2015.

b) Cổ phiếu

31/12/2015

01/01/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57,680,000	32,800,000
+ Cổ phiếu phổ thông	57,680,000	32,800,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	57,680,000	32,800,000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57,680,000	32,800,000
+ Cổ phiếu phổ thông	57,680,000	32,800,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại:

- USD

31/12/2015

01/01/2015

224.10

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
Doanh thu bán hàng hoá	82,155,095,458
Doanh thu hoạt động cho thuê đất	42,630,631,752
Cộng	124,785,727,210
2. Giá vốn hàng bán	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	59,568,230,979
- Giá vốn hoạt động cho thuê đất	15,318,148,214
Cộng	74,886,379,193
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	135,263,103
- Lãi chênh lệch tỷ giá	19,320,101
Cộng	154,583,204
4. Chi phí tài chính	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
- Chênh lệch tỷ giá	91,040,334
- Chi phí lãi vay	913,081,738
Cộng	1,004,122,072
5. Chi phí bán hàng	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	
- Chi phí nhân viên	1,071,831,767
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6,411,200

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,896,041,766
- Chi phí khác bằng tiền	98,231,466
Cộng	5,072,516,199
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
- Chi phí nhân viên quản lý	3,447,036,137
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	107,652,838
- Chi phí khấu hao TSCĐ	567,183,364
- Thuế, phí và lệ phí	25,680,237
- Chi phí dự phòng	2,107,838,740
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,974,743,951
- Chi phí khác bằng tiền	1,736,832,137
Cộng	13,966,967,405
7. Chi phí khác	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
- Tiền thuê đất Cảng Lagi từ năm 2009 đến 30/6/2015	275,827,675
- Giảm doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng năm 2013	3,092,578,876
- Chi phí phạt chậm nộp thuế	1,295,745,616
- Giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	46,770,105
- Xử lý công nợ tồn đọng, không có khả năng thu hồi	1,396,548,240
- Chi phí vận chuyển liên quan đến cát xây dựng đã bán trong năm 2012	5,213,894,400
- Chi phí mô cát Tân Hà không còn thực hiện	4,687,046,377
- Chi phí phát sinh tại xưởng chế biến Đá Thạch Anh	189,873,339
- Chi phí khác	30,860,746
Cộng	16,229,145,374
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
- Phát sinh tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư	4,592,020,886
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9,251,256,347
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9,251,256,347
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	57,680,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	160

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỤ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nhóm Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	Nhà đầu tư	Phải thu khác	438,836,563
Bà Nguyễn Thị Mai	Nhà đầu tư	Phải trả khác	(2,679,923,537)

3. Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính do có sự thay đổi trong Chế độ kế toán doanh nghiệp.

4. Các cam kết

Công ty cam kết thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển quyền sử dụng đất tại khu chuyển tài Lagi đến Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Bình Thuận liên quan đến 35.000 m2 đất đã chuyển nhượng trong năm 2010.

Lê Thị Phương Dung
Người lập biểu

Lê Văn Thật
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2015